

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/KDTM-ST.

Ngày: 30/8/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc Trí.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Thái Hòa**

Bà Huỳnh Thị Minh Huệ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Trần Nhân** – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B: **Bà Đặng Hoàng Oanh**
– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 05 tháng 1 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐST – KDTM ngày 19/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 232/2018/QĐST-KDTM ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH Y**

Người đại diện theo pháp luật: L – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô 400, đường số 13, khu công nghiệp A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N, sinh năm 1966

Địa chỉ: 2/11, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2016)

Bị đơn: **Công ty TNHH K**

Người đại diện theo pháp luật: N – Giám đốc

Địa chỉ: Đường số 9, khu công nghiệp T, thành phố B, Đồng Nai.

(Ông T có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH Y do ông N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 03/3/2015, Công ty TNHH Y (gọi tắt là công ty Y) và công ty TNHH K (gọi tắt là công ty K) có ký hợp đồng kinh tế số YJ-KS 024. Theo nội dung hợp đồng thì công ty Y sẽ cung cấp mặt hàng máy nén khí Micos 37 , máy sấy khí 50P, bộ lọc khí 40A và bình nén khí 1m³ cho công ty K, trị giá hợp đồng là 399.806.000đ (Ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Sau khi ký hợp đồng, hàng hóa đã được giao vào ngày 10/4/2015, công ty K chỉ thanh toán được 50.000.000đ đối với hàng hóa trên.

Tiếp theo vào các ngày 25/4/2015, 19/8/2015, 30/12/2015, 11/5/2016 công ty đã tiếp tục giao hàng cho công ty K theo các hóa đơn số 0000353 với số tiền là 26.890.160đ, 0000039 với số tiền là 22.133.760đ, 0000189 với số tiền là 23.233.760đ, 0000319 với số tiền là 14.600.080đ.

Tuy nhiên, mặc dù đã nhận hàng hóa nhưng công ty K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hóa trên. Vào ngày 24/5/2017 công ty Y đã có văn bản đề nghị công ty K thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu tổng cộng là 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

Nay Công ty TNHH Y khởi kiện yêu cầu công ty TNHH K phải thanh toán số tiền còn nợ chưa thanh toán là 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi với lãi suất 10.8%/năm, cụ thể là 436.663.760đ x 10.8%/năm x 19 tháng là 74.669.503đ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với yêu cầu về lãi suất, nguyên đơn xác định không yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán.

Bị đơn tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc nên không có lời trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập, thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn có trụ sở tại địa chỉ: Đường số 9, khu công nghiệp T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại

điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty TNHH Y khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH K có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ mua bán hàng hóa. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn Công ty TNHH Y khởi kiện yêu cầu bị đơn công ty TNHH K phải thanh toán số tiền còn nợ chưa thanh toán là 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi với lãi suất 10.8%/năm, cụ thể là $436.663.760đ \times 10.8\%/năm \times 19 \text{ tháng}$ là 74.669.503đ. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu về lãi suất của công ty Y là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về lãi suất với số tiền là 74.669.503đ (Bảy mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm lẻ ba đồng).

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Y và căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do Công ty Y cung cấp đã thể hiện việc ký kết hợp đồng kinh tế số YJ-KS 024 ngày 03/3/2015 giữa công ty TNHH Y và công ty TNHH K là có thật. Hợp đồng có hiệu lực pháp luật và có giá trị thực hiện đối với hai bên.

[6] Sau khi ký hợp đồng, công ty K đã giao hàng với giá trị là 399.806.000đ (Ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm lẻ sáu nghìn đồng). Công ty K chỉ thanh toán 50.000.000đ, còn nợ lại là 349.806.000đ. Ngoài ra, công ty Y còn giao hàng tiếp theo vào các ngày 25/4/2015, 19/8/2015, 30/12/2015, 11/5/2016 được thể hiện tại các hóa đơn số 0000353 với số tiền là 26.890.160đ, hóa đơn số 0000039 với số tiền là 22.133.760đ, hóa đơn số 0000189 với số tiền là 23.233.760đ, 0000319 với số tiền là 14.600.080đ. Tổng cộng số tiền nợ hàng hóa chưa thanh toán của công ty K là 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

[7] Vào ngày 24/5/2017 bị đơn công ty TNHH K cũng đã xác nhận nợ với nguyên đơn công ty TNHH Y với tổng số tiền mua hàng còn nợ là 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ trên chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận. Do đó, buộc

Công ty TNHH K có trách nhiệm phải **thanh toán cho Công ty TNHH Y** số tiền 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

[9] Về án phí: Công ty TNHH K phải chịu 21.466.550đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.226.000đ tại biên lai số 003998 ngày 02/1/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.B.

[9] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho VKSND cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình làm việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ trên những chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã thể hiện việc công ty K đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa cho công ty TNHH Y. Do đó, buộc Công ty TNHH K có trách nhiệm phải **thanh toán cho Công ty TNHH Y** số tiền 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng). Về án phí: Công ty TNHH K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương Mại ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công Ty TNHH Y về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty TNHH K.

Buộc Công ty TNHH K có trách nhiệm phải **thanh toán cho Công ty TNHH Y** số tiền 436.663.760đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Y đối với bị đơn Công ty TNHH K về lãi suất với số tiền 74.669.503đ (Bảy mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, năm trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH K chưa thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Công ty TNHH K phải chịu 21.466.550đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.226.000đ tại biên lai số 003998 ngày 02/1/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.B.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh (2);
- VKS (2);
- THA Dân sự (1);
- Lưu (3);
- Đương sự (2).

Nguyễn Thị Ngọc Trí